

**NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ I - MÔN ANH VĂN
NĂM HỌC 2024 – 2025**

Căn cứ Kế hoạch số 322/KH-NVB ngày 23/10/2024 về việc tổ chức kiểm tra giữa kì Học kì I - Năm học 2024-2025 của trường THCS Nguyễn Văn Bé.

Tổ trưởng Anh văn trường THCS Nguyễn Văn Bé thông tin nội dung ôn tập kiểm tra giữa kì I môn Anh văn như sau:

1. Thời gian - Thời lượng làm bài:

Khối	Khối 6	Khối 7	Khối 9	Khối 9
Thời gian làm bài	60'	60'	60'	60'
Hình thức đề kiểm tra	70% trắc nghiệm - 30% tự luận	70% trắc nghiệm - 30% tự luận	70% trắc nghiệm - 30% tự luận	70% trắc nghiệm - 30% tự luận
Thời gian kiểm tra	Tiết 4 sáng thứ Sáu 8/11	Tiết 4 sáng thứ Sáu 8/11	Tiết 4 sáng thứ Sáu 8/11	Tiết 4 sáng thứ Sáu 8/11

2. Cấu trúc đề:

3. Nội dung ôn tập: Từ tuần 1 đến tuần 8 HKI, với phạm vi giới hạn như sau:

NỘI DUNG KT GKI – ANH 6 FP (Units Starter-1-2:p25) (2024-2025)

Which word has the underlined part pronounced differently from that of the others? (0.5pt) (1-2)

2 Câu: es/s - vowel

Choose the word whose main stress pattern is placed differently from that of the others. (0.5pt) (3-4)

2 câu

Choose the word / phrase (A, B, C or D) that best fits the space in each sentence. (3.0 pts) (5-14)

10 câu: voc – connectors (but/ and/ or) – verb form (conversation) – preposition

Look at the sign or the notice. Choose the best answer (A, B, C or D) for questions 15 and 16. (0.5 pt) (15-16)

2 Câu hỏi về signs: các hình có chiều sâu về kỹ năng sống và kiến thức xã hội (community signs)

Choose the word (A, B, C or D) that best fits each space in the following passage. (1.5 pts)

(6 câu): 6 blanks / 4 options (17-22)

Read the passageDecide whether the statements from 23 to 26 are True or False and choose the correct answer (A, B, C or D) to complete the statements in the questions 27 and 28. (1.5 pts) (23-28)

Use the correct form of the word given in each sentence (1.5 pts) (29-34)

No	Verbs	Nouns	Adjectives	Adverbs	Meanings
1		comfort	comfortable	comfortably	thoải mái
2	describe	description			miêu/ mô tả
3	excite	excitement	exciting/ excited		hào hứng, phấn khởi
4		fame	famous		nổi tiếng
5		friend	(un)friendly		bạn/ thân thiện
6		interest	interesting / interested		quan tâm/ thích/ hay
7		noise	noisy	noisily	ồn ào
8		popularity	popular - unpopular		phổ biến
9		safety	safe	safely	an toàn
10	shop	shop/ shopping/ shopper			mua sắm

Rearrange the words/ phrases to make meaningful sentences (0.5 pt) (35-36)

Write an email about you and your family. (50-70 words) (1pt)

THE END OF THE TEST

NỘI DUNG KT GKI – ANH 7 ILSW – UNITS 1-2 (24-25)

Which word has the underlined part pronounced differently from that of the others? (0.5pt) (2 câu: 1-2)

ed - vowel

Choose the word whose main stress pattern is placed differently from that of the others. (0.5pt) (2 câu: 3-4)

Choose the word / phrase (A, B, C or D) that best fits the space in each sentence. (3.0 pts) (10 câu: 5-14)

A. voc – connectors () – verb form (conversation) – preposition

Look at the sign or the notice. Choose the best answer (A, B, C or D) for questions 15 and 16. (0.5 pt)

2 Câu hỏi về signs: các hình có chiều sâu về kỹ năng sống và kiến thức xã hội (community signs)

Choose the word (A, B, C or D) that best fits each space in the following passage. (1.5 pts) (17-22)

(Topic: Free Time – Health)

Read the following brochure/passage.... Decide whether the statements from 23 to 26 are True or False and choose the correct answer (A, B, C or D) to complete the statements in the questions 27 and 28. (1.5 pts) **(Topic: Free Time – Health) (23-28)**

Use the correct form of the word given in each sentence. (1.5 pts) (29-34)

No	Verbs	Nouns	Adjectives	Adverbs	Meanings
1	collect	collection/ collector			suru tầm
2	create		creative	creatively	(sáng) tạo
3		effect	effective	effectively	hiệu quả
4	excite		excited/ exciting		hào hứng
5	jog	jogging / jogger			đi bộ
6		health	(un) healthy	healthily	sức khỏe
7		laziness	lazy	lazily	lười biếng
8		medicine	medical		thuốc/ y tế
9	sleep	sleep	sleepy/ asleep	asleep	ngủ
10		tooth / toothache			răng

Rearrange the words/ phrases to make meaningful sentences (35-36) (0.5 pt)

Write an invitation email (about 60-80 words) (1pt)

THE END OF THE TEST

NỘI DUNG KT GKI – ANH 8 ILSW – UNITS 1-2 (24-25)

Which word has the underlined part pronounced differently from that of the others?
(0,5pt) (Câu 1-2)

ed - consonant “ch”: /k/ - /tʃ/

Choose the word whose main stress pattern is placed differently from that of the others.
(0,5pt) (Câu 3-4)

Choose the word / phrase (A, B, C or D) that best fits the space in each sentence. (2,5 pts)
(câu 5-14)

voc – connectors (and/ or/ but.....) – verb form (conversation) – preposition

Look at the sign or the notice. Choose the best answer (A, B, C or D) for questions 15 and 16. (0.5 pt)

2 Câu hỏi về signs: các hình có chiều sâu về kỹ năng sống và kiến thức xã hội (community signs)

Choose the word (A, B, C or D) that best fits each space in the following passage. (1.5 pts)
(Topic: Free time – Life in the country)

Read the following passage/ brochure Decide whether the statements from 23 to 26 are True or False and choose the correct answer (A, B, C or D) to complete the statements in the questions 27 and 28. (1.5 pts) (Topic: Free time – Life in the country)

Use the correct form of the word given in each sentence. (1.5 pts) (Câu 29-34)

No	Verbs	Nouns	Adjectives	Adverbs	Meanings
1	amaze		amazing/ amazed	amazingly	ngạc nhiên
2	bake	baker/ bakery			làm bánh
3	cycle	cycling/ cyclist			đạp xe
4	design	design/ designer			thiết kế
5	enjoy	enjoyment	enjoyable	enjoyably	thích
6	entertain	entertainment	entertaining		giải trí

		/entertainer			
7	jog	jogging/ jogger			đi bộ
8		nature	natural	naturally	tự / thiên nhiên
9		noise	noisy	noisily	ồn
10	perform	performance/ performer			biểu diễn
11		peace	peaceful	peacefully	thanh bình
12		tradition	traditional	traditionally	truyền thống

Look at the entry of the word ‘information’ in a dictionary. Use what you can get from the entry to complete the sentences with two or three words.(0.5 pt) (Câu 35-36)

Rewrite each of the following sentences in another way so that it means almost the same as the sentence printed before it. (1.0 pt)

37. enough

38. It takes/ took ...+ to V → S + spend/ spent ... V-ing

39. Like (more than) → prefer to

40. Enjoy + V-ing → be interested in/ fond of/ keen on/ into

THE END OF THE TEST

NỘI DUNG KT GKI – ANH 9 ILSW – UNITS 1-2 (24-25)

Which word has the underlined part pronounced differently from that of the others? (0,5pt) (Câu 1-2)

ed - vowel

Choose the word whose main stress pattern is placed differently from that of the others. (0,5pt) (Câu 3-4)

Choose the word / phrase (A, B, C or D) that best fits the space in each sentence. (2,5 pts) (Câu 5-14)

voc – connectors (meanwhile/ afterward/ eventually) – verb form (conversation) – preposition

Look at the sign or the notice. Choose the best answer (A, B, C or D) for questions 15 and 16. (0.5 pt)

2 Câu hỏi về signs: các hình có chiều sâu về kỹ năng sống và kiến thức xã hội (community signs)

Choose the word (A, B, C or D) that best fits each space in the following passage. (1.5 pts) (Topic: English in the world – Life in the past + nowadays) (Câu 17-22)

Read the following brochure / passage.... Decide whether the statements from 23 to 26 are True or False and choose the correct answer (A, B, C or D) to complete the statements in the questions 27 and 28. (1.5 pts) (Topic: English in the world – Life in the past + nowadays) (Câu 23-28)

No	Verbs	Nouns	Adjectives	Adverbs	Meanings
1	bake	baker/ bakery			làm bánh
2	connect	/connection connective	connective		nối
3	compete	competition/ competitor	competitive	competitively	thi đấu
4	differ	difference	different	differently	khác
5		essence	essential		cần thiết
6		foreigner	foreign		thuộc về nước ngoài
7	improve	improvement			cải thiện

8		importance	(un)important		quan trọng
9	interest	interest	interesting/ interested		quan tâm/ hay..
10		nation	(inter)national/ nationwide	nationwide	quốc gia
11		office	official	officially	chính thức
12		tradition	traditional	traditionally	truyền thống

Use the correct form of the word given in each sentence. (1.5 pts) (Câu 29-34)

Look at the entry of the word ‘information’ in a dictionary. Use what you can get from the entry to complete the sentences with two or three words. (0.5 pt) (Câu 35-36)

Rewrite each of the following sentences in another way so that it means almost the same as the sentence printed before it. (1.0 pt)

37... used to

38... so → because/ since / as

39... find/ meet sb/sth by chance → come across

40. ... examine/ look at sth carefully → go over sth/ be eager/ anxious to V → look forward to +V-ing

THE END OF THE TEST

Duyệt BGH

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN

Đinh Thị Thiên Ân

Nguyễn Đình Hoài Nhân